

CƠ QUAN DỊCH VỤ TIỆN ÍCH SỐ 16 QUẬN HARRIS
TÀI LIỆU THÔNG TIN HƯỚNG DẪN CỬ TRI CHO CUỘC BẦU CỬ BẦU CỬ TRÁI PHIẾU

Cơ Quan Dịch Vụ Tiện Ích số 16 Quận Harris ("Cơ Quan") sẽ tổ chức một cuộc bầu cử trái phiếu vào ngày 4 tháng Mười Một, 2025, để bỏ phiếu quyết định các vấn đề sau đây:

CƠ QUAN DỊCH VỤ TIỆN ÍCH SỐ 16 QUẬN HARRIS
<u>LÁ PHIẾU CHÍNH THỨC</u>
Cuộc Bầu Cử Trái Phiếu Công Viên Và Trái Phiếu Thứ Ba, ngày 4 tháng Mười Một, 2025

Kế Hoạch Đề Nghị A

ĐÂY LÀ MỨC TĂNG THUẾ

Phát hành các trái phiếu trị giá \$48,500,000 cho các hệ thống công trình dẫn thủy, thoát nước thải vệ sinh, và cống rãnh và thoát nước mưa và đánh thuế, không giới hạn mức thuế hoặc số tiền thuế, ở mức thỏa đáng để trả tiền gốc và lãi của các trái phiếu đó

[] Thuận

[] Chống

Kế Hoạch Đề Nghị B

ĐÂY LÀ MỨC TĂNG THUẾ

Phát hành các trái phiếu trị giá \$5,000,000 cho các cơ sở vật chất giải trí và đánh thuế, không giới hạn mức thuế hoặc số tiền thuế, ở mức thỏa đáng để trả tiền gốc và lãi của các trái phiếu đó

[] Thuận

[] Chống

ƯỚC TÍNH CÁC YÊU CẦU TRẢ NỢ ĐỐI VỚI CÁC TRÁI PHIẾU ĐƯỢC ĐỀ XUẤT VÀ TRẢ BẰNG THUẾ GIÁ TRỊ TÀI SẢN	
	Kế Hoạch Đề Nghị A
Số Tiền Gốc của Các Trái Phiếu Được Đề Xuất sẽ được phê chuẩn	\$48,500,000
Lãi Suất Ước Tính cho Các Trái Phiếu Được Đề Xuất sẽ được phê chuẩn ¹	\$67,415,250
Ước Tính Tổng Số Tiền Gốc và Lãi Suất cho Các Trái Phiếu Được Đề Xuất ¹	\$115,915,250
	Kế Hoạch Đề Nghị B
Số Tiền Gốc của Các Trái Phiếu Được Đề Xuất sẽ được phê chuẩn	\$5,000,000
Lãi Suất Ước Tính cho Các Trái Phiếu Được Đề Xuất sẽ được phê chuẩn ¹	\$6,742,250
Ước Tính Tổng Số Tiền Gốc và Lãi Suất cho Các Trái Phiếu Được Đề Xuất ¹	\$11,742,250

¹Giả thiết mức lãi suất 5.00% đối với các trái phiếu được đề xuất và phát hành theo lịch trả góp ghi dưới đây. Lãi suất ước tính và lịch trả góp căn cứ vào các giả định và dự báo hiện tại về lãi suất, tình hình xây dựng bất động sản, giá trị định thuế và tỷ lệ thu thuế. Nếu thực tế không như các giả định và dự báo, mức lãi suất thực tế đối với các trái phiếu có thể khác nhiều so với mức lãi suất ước tính ghi trong tài liệu này. Mức thuế suất ước tính quy định trong tài liệu này sẽ không được coi là nằm trong các kế hoạch đề nghị phát hành trái phiếu sẽ được đệ trình cho các cử tri và sẽ không được coi là giới hạn thẩm quyền của Cơ Quan trong việc đánh thuế, định giá và thu một khoản thuế không giới hạn về mức thuế hoặc số tiền, chiếu theo các điều luật và Hiến Pháp Texas.

CÁC TRÁI PHIẾU CÒN NỢ VÀ ĐƯỢC TRẢ BẰNG THUẾ GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG TÁM, 2025	
Số Tiền Gốc của Các Trái Phiếu Còn Nợ	\$24,465,000
(+) Lãi Suất Còn Lại Ước Tính của Các Trái Phiếu Còn Nợ ²	\$10,864,769
(=) Tổng Số Tiền Gốc và Lãi Ước Tính ²	\$35,329,769

²Giả thiết số tiền gốc và lãi đối với các trái phiếu còn nợ được trả đúng hạn theo lịch đáo hạn quy định trong Xác Nhận Chính Thức cho mỗi đợt trái phiếu, và các trái phiếu đó không được hoàn trả, vô hiệu, hoặc được yêu cầu trả hết trước thời điểm đáo hạn theo lịch của các trái phiếu đó.

MỨC TĂNG THUẾ HÀNG NĂM TỐI ĐA DỰ TÍNH	
	Kế Hoạch Đề Nghị A
Mức Tăng Thuế Hàng Năm Tối Đa Ước Tính đối với Gia Cư Nơi Chủ Sở Hữu Cư Ngụ với Giá Trị Được Định Giá là \$100,000	\$60
	Kế Hoạch Đề Nghị B
Mức Tăng Thuế Hàng Năm Tối Đa Ước Tính đối với Gia Cư Nơi Chủ Sở Hữu Cư Ngụ với Giá Trị Được Định Giá là \$100,000	\$0

TÓM TẮT VỀ CÁC GIẢ THIẾT CHÍNH

Lãi suất giả định đối với các khoản nợ phải trả được đề xuất là 5.0%. Mức tăng thuế hàng năm tối đa ước tính ghi trên đối với các trái phiếu được đề xuất là dựa trên các giả thiết trình bày trong mục này liên quan đến mức tăng hàng năm 4.1% của giá trị được định giá phải đóng thuế của Cơ Quan, lịch trả góp cho các trái phiếu còn nợ và các trái phiếu được đề xuất của Cơ quan, mức thu thuế 99% của Cơ Quan, không có thay đổi gì về các thành phần khác trong thuế suất của Cơ Quan (nếu có), đầu tư vào quỹ hiện có ở mức 3.0% và các trường hợp miễn trừ mà Cơ Quan hiện đang cho hưởng, bao gồm cả 10% miễn trừ tổng quát cho căn nhà có chủ sở hữu cư ngụ. Nếu thực tế diễn ra không đúng như các giả thiết nói trên, thì mức tăng thuế hàng năm tối đa thực tế sẽ được áp dụng đối với một cư gia nơi chủ sở hữu cư ngụ trong Cơ Quan có giá trị được định giá là \$100,000 để hoàn trả các trái phiếu có thể khác nhiều so với mức tăng thuế hàng năm tối đa ước tính ghi trong tài liệu này. Mức tăng thuế hàng năm tối đa ước tính ghi trong tài liệu này sẽ không được coi là nằm trong các kế hoạch đề nghị phát hành trái phiếu sẽ được đệ trình cho các cử tri và sẽ không được coi là giới hạn thẩm quyền của Cơ Quan trong việc đánh thuế, định giá và thu một mức thuế không giới hạn về mức thuế hoặc số tiền, chiếu theo các điều luật và Hiến Pháp Texas.

TRẢ NỢ DẦN

Kế Hoạch Đề Nghị A

Năm	Các trái phiếu còn nợ	Các Trái Phiếu Được Đề Xuất của Kế Hoạch Đề Nghị A
Year	Outstanding Bonds	Proposition A Proposed Bonds
2026	\$1,687,622	
2027	1,735,961	
2028	1,729,560	\$363,750
2029	1,732,504	485,000
2030	1,731,248	485,000
2031	1,738,716	485,000
2032	1,759,936	848,750
2033	1,790,179	970,000
2034	1,782,853	970,000
2035	1,509,467	970,000
2036	1,522,779	1,333,750
2037	1,529,292	1,455,000
2038	1,534,204	1,455,000
2039	1,550,892	1,455,000
2040	1,538,986	1,818,750
2041	1,575,454	1,940,000
2042	1,533,454	1,940,000
2043	1,591,454	2,303,750
2044	1,596,267	2,425,000
2045	1,678,329	2,425,000
2046	1,680,392	2,425,000
2047	1,205,473	2,580,000
2048	1,330,361	2,457,250
2049	521,573	3,265,250
2050	528,403	3,257,750
2051	529,083	3,258,500
2052	533,623	3,252,000
2053	532,000	3,253,500
2054	539,205	3,247,500
2055		3,784,250
2056		3,786,500
2057		3,784,500
2058		3,783,250
2059		3,787,500
2060		3,786,750
2061		3,786,000
2062		3,705,000
2063		3,707,500
2064		3,704,250
2065		3,705,250
2066		3,355,000
2067		3,350,750
2068		3,350,750
2069		3,354,500
2070		3,351,500
2071		3,351,750
2072		3,354,750

Kế Hoạch Đề Nghị B

Năm	Các trái phiếu còn nợ	Các Trái Phiếu Được Đề Xuất của Kế Hoạch Đề Nghị B
Year	Outstanding Bonds	Proposition B Proposed Bonds
2026	\$1,687,622	
2027	1,735,961	
2028	1,729,560	\$187,500
2029	1,732,504	250,000
2030	1,731,248	250,000
2031	1,738,716	250,000
2032	1,759,936	250,000
2033	1,790,179	250,000
2034	1,782,853	250,000
2035	1,509,467	250,000
2036	1,522,779	250,000
2037	1,529,292	250,000
2038	1,534,204	250,000
2039	1,550,892	250,000
2040	1,538,986	250,000
2041	1,575,454	250,000
2042	1,533,454	250,000
2043	1,591,454	250,000
2044	1,596,267	250,000
2045	1,678,329	250,000
2046	1,680,392	250,000
2047	1,205,473	250,000
2048	1,330,361	250,000
2049	521,573	560,000
2050	528,403	554,500
2051	529,083	553,500
2052	533,623	546,750
2053	532,000	549,500
2054	539,205	546,250
2055		1,082,250
2056		1,080,500
2057		1,081,500

Các Giá Trị Được Định Giá Phải Đóng Thuế Theo Giả Định

Tài Khóa	Giá Trị Được Định Giá Phải Đóng Thuế	Tính đến ngày 1 tháng Một
Year	Taxable AV	As of January 1,
2026	\$489,190,100	2025
2027	509,246,894	2026
2028	530,126,017	2027
2029	551,861,183	2028
2030	574,487,492	2029
2031	598,041,479	2030
2032	622,561,180	2031
2033	648,086,188	2032
2034	674,657,722	2033
2035	702,318,688	2034
2036	731,113,755	2035
2037	761,089,419	2036
2038	792,294,085	2037
2039	824,778,142	2038
2040	858,594,046	2039
2041	858,594,046	2040
2042	858,594,046	2041
2043	858,594,046	2042
2044	858,594,046	2043
2045	858,594,046	2044
2046	858,594,046	2045
2047	858,594,046	2046
2048	858,594,046	2047
2049	858,594,046	2048
2050	858,594,046	2049
2051	858,594,046	2050
2052	858,594,046	2051
2053	858,594,046	2052
2054	858,594,046	2053
2055	858,594,046	2054
2056	858,594,046	2055
2057	858,594,046	2056
2058	858,594,046	2057
2059	858,594,046	2058
2060	858,594,046	2059
2061	858,594,046	2060
2062	858,594,046	2061
2063	858,594,046	2062
2064	858,594,046	2063
2065	858,594,046	2064
2066	858,594,046	2065
2067	858,594,046	2066
2068	858,594,046	2067
2069	858,594,046	2068
2070	858,594,046	2069
2071	858,594,046	2070
2072	858,594,046	2071

THEO LỆNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC.